TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: **10**/2019/DS-PT
Ngày 29/01/2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huờn
Các thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn và ông Nguyễn Duy Thuấn
- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngọc Điệp là Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29/01/2019, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:169/2018/TLPT-DS ngày 10/12/2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2019/QĐXXPT-DS ngày 02/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐ-PT ngày 22/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H
Địa chỉ: Số nhà X đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Anh T - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 23/01/2018)
Địa chỉ: Số Y, Tổ liên gia Z, Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk
Bị đơn: Ông Phạm Văn K và bà Lê Thị Hồng P - Vắng mặt
Địa chỉ: Số nhà Z đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị M.
Địa chỉ: Số nhà X đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk
Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M: Ông Đỗ Anh T - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/01/2018 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ngày 28/01/2014, ông cho vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Lê Thị Hồng P vay 319.000.000đ; Lãi suất cho vay 2%/tháng; Thời hạn vay đến ngày 05/3/2014 âm lịch (04/4/2014 dương lịch).

Đến hạn trả nợ, vợ chồng ông K, bà P chưa trả cho ông số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi. Mặc dù ông đòi nợ nhiều lần nhưng tính đến ngày 31/12/2015, vợ chồng ông K, bà P đã trả cho ông 219.000.000đ tiền nợ gốc, chưa trả tiền lãi. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông K, bà P phải trả cho ông 100.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày

28/01/2014 đến ngày 11/01/2018 là 151.444.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm ông thay đổi một phần yêu cầu về lãi suất, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông K, bà P phải trả cho ông 100.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 31/12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 28.220.000đ, tổng cộng 128.220.000đ.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Văn K và bà Lê Thị Hồng P trình bày: Ngày 28/01/2014, vợ chồng ông bà có vay ông Nguyễn Thanh H 319.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Sau khi vay tiền, vợ chồng ông bà đã trả cho ông H đầy đủ số tiền đã vay. Cụ thể ngày 19/01/2017, ông H nhắn tin cho vợ chồng ông, bà yêu cầu trả số tiền nợ còn lại 49.000.000đ; Ngày 23/01/2017, vợ chồng ông, bà trả cho ông H 30.000.000đ tại quán cà phê số X đường P, thành phố B; Ngày 09/01/2018, vợ chồng ông, bà trả cho ông H 19.000.000đ còn lại, tại nhà ông H. Do tin tưởng nhau nên vợ chồng ông bà không yêu cầu ông H viết giấy biên nhận đã nhận đủ số tiền đã trả. Việc ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà phải trả 100.000.000đ tiền nợ gốc và 28.220.000đ tiền lãi, vợ chồng ông bà chỉ chấp nhận trả cho ông H 80.000.000đ.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị M trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Thanh H; Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột đã áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 184, Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Điều 471, Điều 474, Điều 476 BLDS năm 2005; Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H.

Buộc ông Phạm Văn K và bà Lê Thị Hồng P, mỗi người có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Thanh H ½ tổng số tiền nợ 125.500.000đ (trong đó nợ gốc là 100.000.000đ, tiền lãi là 25.500.000đ). Cụ thể, ông K và bà P, mỗi người phải trả cho ông H cả gốc và lãi là 62.750.000đ.

Về án phí: Ông Phạm Văn K và bà Lê Thị Hồng P, mỗi người phải chịu 3.137.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định lãi suất chậm thi hành án và tuyên quyền kháng cáo.

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ/KNPT-DS ngày 19/11/22018 của Viện trưởng VKSND thành phố Buôn Ma Thuột đã kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm nêu trên với lý do: Ông Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn K và bà Lê Thị Hồng P phải trả cho ông H số tiền nợ gốc đã vay cùng với tiền lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Lê Thị Hồng P tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng với quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 68 BLTTDS.

Ngày 12/01/2018, ông H khởi kiện vợ chồng ông K, bà P tại Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện, được quy định tại Điều 429 và điểm d khoản 1 Điều

688 BLDS năm 2015, nên quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Thanh H và vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Lê Thị Hồng P là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Kiện đòi tài sản" là không đúng.

Ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông K, bà P phải trả số tiền nợ gốc đã vay 100.000.000đ và tiền lãi 151.444.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H rút một phần khởi kiện và chỉ yêu cầu vợ chồng ông K trả 100.000.000đ tiền nợ gốc và 28.220.000đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện mà ông H đã rút là vi phạm điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS.

Ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông K, bà P phải trả số tiền lãi 28.220.000đ. Tòa án chỉ chấp nhận 25.500.000đ nhưng không tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông H đối với số tiền 2.720.000đ và buộc ông H phải chịu án phí dân sư sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là không đúng với quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử sửa bản án sơ thẩm, theo hướng kháng nghị của Viện trưởng VKSND thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Trong đơn khởi kiện ông Nguyễn Thanh H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Lê Thị Hồng P phải trả cho ông 100.000.000đ tiền nợ gốc và 151.444.000đ tiền lãi suất; Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H yêu cầu vợ chồng ông K, bà P phải trả số tiền nợ gốc 100.000.000đ và tiền lãi 28.220.000đ; Đây là việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất cho vay, không phải rút một phần yêu cầu khởi kiện như kháng nghị của Viện trưởng VKSND thành phố Buôn Ma Thuột. Vì vây, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk rút nội dung kháng nghị này và giữ nguyên các nội dung khác Quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND thành phố Buôn Ma Thuột, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử sửa bản án theo yêu cầu kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H không rút đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[**1**] Xét Quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND thành phố Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Ông Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Lê Thị Hồng P, phải trả cho ông H 100.000.000đ tiền nợ gốc đã vay cùng với tiền lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, trái với quy định tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng VKSND thành phố Buôn Ma Thuột, xác định lại tư cách tham gia tố tụng của bà P là bị đơn trong vụ án dân sự.

[**2**] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 12/01/2018, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông K, bà P phải trả cho ông H 100.000.000đ tiền nợ gốc đã vay vào ngày 28/01/2014, cùng với tiền lãi suất. Thời hạn mà vợ chồng ông K,

bà P phải trả cho ông số tiền đã vay cùng với tiền lãi là ngày 04/4/2014, nên thời hiệu ông H khởi kiện được tính từ ngày 05/4/2014.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, vợ chồng ông K, bà P thừa nhận ngày 28/01/2014, vợ chồng ông, bà có vay ông H 319.000.000đ nhưng đã trả cho ông H 239.000.000đ, chỉ còn nợ ông H 80.000.000đ.

Như vậy, vợ chồng ông K, bà P thừa nhận đã thực hiện xong một phần nghĩa vụ trả nợ tiền vay cho ông H, nên thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại, tính từ ngày vợ chồng ông K, bà P thừa nhận thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với ông H, được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 157 BLDS năm 2015; Việc ông H khởi kiện vào ngày 12/01/2018, là còn trong thời hiệu khởi kiện 03 năm, tính từ ngày bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, một trong các bên đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên Tòa án không xem xét về thời hiệu khởi kiện, được quy định tại Điều 157 BLDS năm 2015 và Điều 184 BLTTDS.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Kiện đòi tài sản" là không đúng nhưng bản án sơ thẩm xác định đúng quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng VKSND thành phố Buôn Ma Thuột.

[**3**] Ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông K, bà P phải trả số tiền lãi suất 28.220.000đ. Tòa án chỉ chấp nhận 25.500.000đ nhưng không tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông H đối với số tiền 2.720.000đ và buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận, là thiếu sót. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng VKSND thành phố Buôn Ma Thuột, sửa bản án sơ thẩm và tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H về số tiền lãi suất, buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận 2.720.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng VKSND thành phố Buôn Ma Thuột, sửa bản án sơ thẩm

Căn cứ: Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 476 BLDS năm 2005; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thanh H.

1. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Lê Thị Hồng P phải trả cho ông Nguyễn Thanh H 100.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 25.500.000đ. Tổng cộng 125.500.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về việc: Buộc vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Lê Thị Hồng P phải trả số tiền lãi suất 2.720.000đ.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn K và bà Lê Thị Hồng P phải chịu 6.275.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.286.000đ, theo biên lai số A A/2017/0003106 ngày 19/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột; ông H được nhận lại 5.986.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND Tp Buôn Ma Thuột*
- *Chi cục THA Tp. B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Huờn